ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 131 /2026/QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 48/2014/QH13;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Căn cứ Nghị định số 233/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức;

Căn cứ Nghị định số 236/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 396/TTr-SXD ngày 23 tháng 10 năm 2026;

Uỷ ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2026.

2. Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 và Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công an (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tô Anh Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; việc xem xét, đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Quy định này được áp dụng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trong các lĩnh vực: giao thông đường bộ; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người đứng đầu Công an tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp và Chủ tịch UBND cấp xã có liên quan trực tiếp đến công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

2. Tập thể lãnh đạo Công an tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp và UBND cấp xã có liên quan trực tiếp đến công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện và xác định trách nhiệm trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất của UBND tỉnh; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND cấp xã trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

2. Việc thực hiện nhiệm vụ phải đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; bảo đảm rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, rõ trách nhiệm, không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND cấp xã có trách nhiệm chủ động phối hợp trong công tác tuyên truyền, quản lý nhà nước, quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm, tổ chức khắc phục hậu quả, giải quyết ùn tắc giao thông và khắc phục các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tai nạn giao thông theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Việc xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

5. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Quy định này.

6. Trường hợp một nhiệm vụ có nhiều cơ quan cùng tham gia thực hiện thì từng cơ quan chịu trách nhiệm đối với nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm điều phối, đôn đốc, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU VÀ TẬP THỂ LÃNH ĐẠO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 4. Trách nhiệm của Giám đốc Công an tỉnh

1. Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch, giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

3. Chỉ đạo thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

4. Chủ trì điều tra, giải quyết tai nạn giao thông; phân tích nguyên nhân tai nạn giao thông và kiến nghị các giải pháp phòng ngừa.

5. Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu, thống kê, phân tích tình hình tai nạn giao thông và các chỉ số phục vụ đánh giá trách nhiệm người đứng đầu.

6. Chủ trì tham mưu đánh giá trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

7. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các điểm thường xuyên xảy ra tai nạn giao thông, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn giao thông và các bất cập về tổ chức giao thông theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

Điều 5. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Xây dựng

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về công tác quản lý nhà nước đối với kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Luật Đường bộ, Luật Đường sắt, Luật Giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Chủ trì rà soát, đánh giá hiện trạng tổ chức giao thông; kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý các điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, các bất cập về tổ chức giao thông trên địa bàn tỉnh; chủ trì rà soát các vị trí giao cắt giữa đường bộ với đường sắt, các bến thủy nội địa, luồng, tuyến đường thủy nội địa và các vị trí có nguy cơ mất an toàn giao thông để đề xuất hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.

3. Tổ chức quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; hành lang an toàn đường bộ, hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý đấu nối vào đường bộ; kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp đấu nối trái phép theo thẩm quyền; phối hợp quản lý các công trình thiết yếu, công trình giao cắt và các hoạt động có liên quan đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt, đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc các đơn vị quản lý đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác bảo trì, bảo đảm công trình an toàn giao thông được duy trì đầy đủ, đồng bộ và hoạt động hiệu quả. Phối hợp với Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để đôn đốc, hướng dẫn hoặc kiến nghị xử lý đối với công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo đảm hệ thống báo hiệu đường sắt trên địa bàn tỉnh được vận hành thông suốt, hiệu quả theo quy định.

6. Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt và đường thủy nội địa; kịp thời yêu cầu khắc phục các tồn tại ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

7. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị thuộc lĩnh vực quản lý.

8. Phối hợp với các cơ quan Trung ương quản lý quốc lộ, đường cao tốc, đường sắt quốc gia, đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn tỉnh trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng và bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

Điều 6. Trách nhiệm của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Chỉ đạo, tổ chức quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang an toàn giao thông và các công trình giao thông thuộc phạm vi được giao quản lý; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

3. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác các tuyến đường, công trình giao thông, hệ thống đường gom, đấu nối, lối ra vào các khu công nghiệp, khu chức năng và các dự án trong phạm vi Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý bảo đảm yêu cầu về trật tự an toàn giao thông theo quy định.

4. Trong quá trình thẩm định, tham gia ý kiến, chấp thuận hoặc thực hiện các thủ tục thuộc thẩm quyền đối với các dự án đầu tư, xây dựng trong phạm vi Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương để bảo đảm sự phù hợp về kết nối giao thông, tổ chức giao thông, hành lang an toàn giao thông và các điều kiện bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định.

5. Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Xây dựng, Công an tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, xử lý các tồn tại, bất cập, điểm tiềm ẩn mất an toàn giao thông, tình trạng lấn chiếm hành lang, đấu nối không đúng quy định, sử dụng lòng đường, vỉa hè, công trình giao thông không đúng quy định trong phạm vi quản lý.

6. Chỉ đạo các chủ đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp thực hiện các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trong quá trình đầu tư, xây dựng, khai thác, sử dụng công trình; phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến giao thông theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Kịp thời phối hợp với Sở Xây dựng, Công an tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giải quyết ùn tắc giao thông, tai nạn giao

thông, các điểm mất an toàn giao thông và các vấn đề phát sinh liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông trong phạm vi Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp.

8. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường, đê điều, thủy lợi và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND cấp xã trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang an toàn giao thông; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền các trường hợp sử dụng đất, xây dựng công trình, khai thác tài nguyên, tập kết vật liệu và các hoạt động khác ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng giao thông và an toàn giao thông.

3. Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu giải quyết các khó khăn, vướng mắc về đất đai, giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông và xử lý các điểm mất an toàn giao thông theo quy định.

4. Chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời xử lý hoặc phối hợp xử lý các sự cố sạt lở, ngập úng, công trình đê điều, thủy lợi và các sự cố khác ảnh hưởng đến giao thông, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn.

5. Chỉ đạo thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu cho UBND tỉnh đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước.

2. Phối hợp tham mưu công tác thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Điều 9. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo triển khai công tác giáo dục pháp luật về giao thông trong các cơ sở giáo dục.

2. Chỉ đạo xây dựng và duy trì mô hình cổng trường an toàn giao thông.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông cho cán bộ, giáo viên, học sinh.

4. Phối hợp với gia đình và chính quyền địa phương quản lý học sinh chấp hành pháp luật về giao thông.

Điều 10. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Y tế

1. Chỉ đạo các cơ sở y tế thực hiện công tác cấp cứu nạn nhân tai nạn giao thông kịp thời, hiệu quả.

2. Phối hợp cung cấp số liệu thương vong do tai nạn giao thông phục vụ công tác thống kê, đánh giá.

Điều 11. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài chính

1. Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị theo quy định.

2. Tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí, phân bổ nguồn lực để xử lý các điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và các công trình cấp bách bảo đảm an toàn giao thông theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phù hợp với dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định, nhiệm vụ chi, khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng văn hóa giao thông trong Nhân dân, nhất là trong các đợt cao điểm tăng cao về mật độ người và phương tiện tham gia giao thông; chú trọng tuyên truyền tại các tuyến đường, khu vực có tình hình trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị phức tạp.

2. Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành, UBND cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; kịp thời tuyên truyền các giải pháp, mô hình hiệu quả, cảnh báo các nguy cơ, điểm tiềm ẩn mất an toàn giao thông và các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông.

Điều 13. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn quản lý.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị theo phân cấp, phân quyền và quy định của pháp luật đối với đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa trên địa bàn.

3. Tổ chức quản lý, bảo vệ công trình đường bộ được giao quản lý; phối hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hành lang an toàn giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo kiểm tra, phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị, đặc biệt là các hành vi:

a) Lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ, hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa;

b) Sử dụng trái phép lòng đường, hè phố, hành lang an toàn giao thông;

c) Họp chợ trái phép trên đường bộ;

d) Xây dựng công trình trái phép trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa;

đ) Đấu nối trái phép vào đường bộ; lấn chiếm, cản trở luồng, tuyến đường thủy nội địa; mở lối đi tự phát qua đường sắt hoặc các hành vi khác gây mất an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức rà soát, thống kê các vị trí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông trên đường bộ, tại đường ngang, lối đi qua đường sắt, bến thủy nội địa, luồng, tuyến đường thủy nội địa và các vị trí có nguy cơ mất an toàn giao thông khác; kịp thời tổ chức xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền khắc phục.

6. Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông; xây dựng các mô hình tự quản về an toàn giao thông tại cộng đồng dân cư; vận động Nhân dân chấp hành quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

7. Chỉ đạo xử lý các điểm thường xuyên ùn tắc giao thông, mất an toàn giao thông thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành xử lý các nguy cơ mất an toàn giao thông tại đường ngang, lối đi qua đường sắt, bến thủy nội địa và luồng, tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn.

8. Tổ chức giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ, hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa theo thẩm quyền hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ được giao về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; kịp thời chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền.

3. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

4. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND cấp xã trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; kịp thời trao đổi, xử lý các vấn đề liên ngành phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh theo chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và mức độ tham gia trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát khi để xảy ra các tồn tại, hạn chế kéo dài, không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát dẫn đến mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương III
ĐÁNH GIÁ VÀ XEM XÉT TRÁCH NHIỆM

Điều 15. Các trường hợp xem xét trách nhiệm

1. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

2. Không ban hành hoặc chậm ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, giải pháp thuộc trách nhiệm quản lý.

3. Để tồn tại kéo dài các vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; hành lang an toàn đường bộ, hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa; đấu nối trái phép vào đường bộ; mở lối đi tự phát qua đường sắt; lấn chiếm, cản trở luồng, tuyến đường thủy nội địa; sử dụng trái phép lòng đường, hè phố nhưng không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý.

4. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các kết luận, kiến nghị, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Không thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoặc báo cáo không trung thực.

6. Để phát sinh hoặc tái diễn các vi phạm về hành lang an toàn đường bộ, hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa; đấu nối trái phép vào đường bộ; mở lối đi tự phát qua đường sắt; lấn chiếm, cản trở luồng, tuyến đường thủy nội địa; sử dụng trái phép lòng đường, hè phố thuộc phạm vi quản lý được giao mà nguyên nhân được xác định do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm quản lý, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Để xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng mà nguyên nhân được xác định có liên quan trực tiếp đến việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước thuộc phạm vi được giao, sau khi đã xem xét đầy đủ các yếu tố khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

8. Để phát sinh các điểm mất an toàn giao thông nghiêm trọng trên đường bộ, tại đường ngang, lối đi qua đường sắt, bến thủy nội địa, luồng, tuyến đường thủy nội địa hoặc các vị trí khác đã được cơ quan có thẩm quyền cảnh báo, kiến nghị nhưng không có biện pháp xử lý, khắc phục.

9. Không phối hợp hoặc phối hợp không đầy đủ với cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Tiêu chí đánh giá

1. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch hằng năm.

3. Kết quả khắc phục các tồn tại, bất cập, điểm mất an toàn giao thông thuộc phạm vi quản lý.

4. Kết quả thực hiện các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

5. Kết quả xử lý vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.

6. Chất lượng công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

8. Các tiêu chí quy định tại Điều này là tiêu chí đánh giá chung và được cụ thể hóa tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này thành khung tiêu chí, chỉ tiêu và mức điểm cụ thể; các Phụ lục là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị.

Điều 17. Xử lý trách nhiệm

1. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, thi đua, khen thưởng và các quy định có liên quan.

2. Kết quả đánh giá theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này chỉ phản ánh mức độ hoàn thành trách nhiệm trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; là một trong những căn cứ để xem xét, đánh giá đối với người đứng đầu, tập thể lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hằng năm theo quy định; không thay thế hoặc quyết định kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và tập thể lãnh đạo theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người đứng đầu hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước không hoàn thành nhiệm vụ được giao về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị hoặc để xảy ra các trường hợp quy định tại Điều 15 của Quy định này thì bị xem xét trách nhiệm theo quy định của Đảng, pháp luật và các quy định có liên quan.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện hằng quý, hằng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh.

3. Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm hằng năm đối với người đứng đầu, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương theo Quy định này.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và chế độ báo cáo

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng trước ngày 10/6 và báo cáo năm trước ngày 10/12 về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC 01

KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
I	**KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**	**30**			
1	Ban hành kế hoạch, chương trình, văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị thuộc lĩnh vực quản lý	10			Hoàn thành 100% nhiệm vụ: 10 điểm; từ 70% đến dưới 100%: 07 điểm; từ 50% đến dưới 70%: 04 điểm; dưới 50%: 0 điểm
2	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	10			Hoàn thành 100%: 10 điểm; từ 70% đến dưới 100%: 07 điểm; từ 50% đến dưới 70%: 04 điểm; dưới 50%: 0 điểm
3	Thực hiện các kết luận, kiến nghị, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	05			Hoàn thành đầy đủ: 05 điểm; cơ bản hoàn thành: 03 điểm; chưa hoàn thành: 01 điểm; không thực hiện: 0 điểm
4	Chế độ thông tin, báo cáo	05			Đầy đủ, đúng hạn: 05 điểm; chậm 01 kỳ: 03 điểm; chậm từ 02 kỳ trở lên: 0 điểm
II	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH**	**40**			

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao	20			Thực hiện đầy đủ, bảo đảm chất lượng, tiến độ: 20 điểm; thực hiện đầy đủ nhưng còn một số nội dung chưa bảo đảm chất lượng hoặc tiến độ: 15 điểm; thực hiện chưa đầy đủ: 10 điểm; không thực hiện: 0 điểm.
2	Kết quả xử lý các tồn tại, bất cập, nguy cơ mất an toàn giao thông thuộc phạm vi quản lý	10			Xử lý dứt điểm: 10 điểm; cơ bản hoàn thành: 07 điểm; chưa hoàn thành: 03 điểm; không thực hiện: 0 điểm
3	Kết quả tham mưu cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị	10			Tốt: 10 điểm; Khá: 07 điểm; Trung bình: 03 điểm; Kém: 0 điểm
III	**KẾT QUẢ PHỐI HỢP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**	**20**			
1	Công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương	10			Tốt: 10 điểm; Khá: 07 điểm; Trung bình: 03 điểm; Kém: 0 điểm
2	Công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc và địa phương	10			Tốt: 10 điểm; Khá: 07 điểm; Trung bình: 03 điểm; Kém: 0 điểm
IV	**ĐIỂM CỘNG, ĐIỂM TRỪ**	**10**			

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
1	Điểm cộng	+10			Mỗi thành tích, mô hình, sáng kiến hiệu quả được cộng từ 01 đến 03 điểm; tổng điểm cộng không quá 10 điểm
2	Điểm trừ	-10			Mỗi trường hợp bị phê bình, chậm thực hiện nhiệm vụ hoặc để xảy ra tồn tại kéo dài bị trừ từ 01 đến 03 điểm; tổng điểm trừ không quá 10 điểm
	TỔNG ĐIỂM	**100**			

MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM

- ✓ Từ 90 điểm trở lên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- ✓ Từ 70 điểm đến dưới 90 điểm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- ✓ Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- ✓ Dưới 50 điểm: Không hoàn thành nhiệm vụ.

PHỤ LỤC 02

KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
I	**KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**	**25**			
1	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị hằng năm	5			Hoàn thành 100% nhiệm vụ: 5 điểm; từ 70% đến dưới 100%: 3 điểm; dưới 70%: 1 điểm; không thực hiện: 0 điểm
2	Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông; xây dựng văn hóa giao thông; tuyên truyền bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	5			Tốt: 5 điểm; Khá: 3 điểm; Trung bình: 1 điểm; Kém: 0 điểm
3	Chỉ đạo xử lý các tồn tại, bất cập về trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn	5			Tốt: 5 điểm; Khá: 3 điểm; Trung bình: 1 điểm; Kém: 0 điểm
4	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo	5			Đầy đủ, đúng hạn: 5 điểm; chậm 01 kỳ: 3 điểm; chậm từ 02 kỳ trở lên: 0 điểm
5	Thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền	5			Hoàn thành 100%: 5 điểm; từ 70% đến dưới 100%: 3 điểm; dưới 70%: 1 điểm; không thực hiện: 0 điểm

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
II	**KẾT QUẢ QUẢN LÝ ĐỊA BÀN VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG**	**35**			
1	Quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa; phối hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn	10			Không có vi phạm tồn đọng: 10 điểm; có vi phạm nhưng xử lý kịp thời: 7 điểm; còn vi phạm kéo dài: 3 điểm; không xử lý: 0 điểm
2	Quản lý lòng đường, hè phố; điểm họp chợ, điểm kinh doanh ảnh hưởng giao thông; ngăn chặn các hoạt động lấn chiếm hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa	8			Tốt: 8 điểm; Khá: 5 điểm; Trung bình: 3 điểm; Kém: 0 điểm
3	Phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đấu nối trái phép vào đường bộ; lối đi tự mở qua đường sắt; các hành vi lấn chiếm, cản trở luồng, tuyến, bến thủy nội địa theo thẩm quyền	5			Tốt: 5 điểm; Khá: 3 điểm; Trung bình: 1 điểm; Kém: 0 điểm
4	Rà soát, thống kê, kiến nghị xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên đường bộ; các đường ngang, lối đi qua đường sắt, bến thủy nội địa, luồng, tuyến đường thủy nội địa và các vị trí có nguy cơ mất an toàn giao thông	7			Thực hiện đầy đủ: 7 điểm; thực hiện cơ bản: 4 điểm; chưa đầy đủ: 1 điểm; không thực hiện: 0 điểm

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
5	Bảo vệ công trình giao thông, mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng; phối hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt, đường thủy nội địa trên địa bàn	5			Tốt: 5 điểm; Khá: 3 điểm; Trung bình: 1 điểm; Kém: 0 điểm
III	**KẾT QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**	**30**			
1	Xử lý các vi phạm về hành lang an toàn đường bộ, hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa; lòng đường, hè phố theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	10			Xử lý dứt điểm: 10 điểm; cơ bản hoàn thành: 7 điểm; chưa dứt điểm: 3 điểm; không xử lý: 0 điểm
2	Công tác phối hợp với các cơ quan chức năng trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	8			Tốt: 8 điểm; Khá: 5 điểm; Trung bình: 3 điểm; Kém: 0 điểm
3	Công tác giải tỏa vi phạm, giải phóng mặt bằng phục vụ xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa theo thẩm quyền	7			Tốt: 7 điểm; Khá: 5 điểm; Trung bình: 3 điểm; Kém: 0 điểm

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
4	Giải quyết kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị thuộc các lĩnh vực đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	5			Đúng hạn, hiệu quả: 5 điểm; chậm nhưng hoàn thành: 3 điểm; không hoàn thành: 0 điểm
IV	**ĐIỂM CỘNG, ĐIỂM TRỪ**	**10**			
1	Điểm cộng	+10			Mỗi thành tích nổi bật, mô hình hiệu quả hoặc cách làm sáng tạo trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị được cộng từ 01 đến 03 điểm; tổng điểm cộng không quá 10 điểm.
2	Điểm trừ	-10			Mỗi trường hợp để xảy ra vi phạm kéo dài, bị cơ quan có thẩm quyền phê bình bằng văn bản, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao bị trừ từ 01 đến 03 điểm; tổng điểm trừ không quá 10 điểm.
	TỔNG ĐIỂM	**100**			

MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM

- ✓ Từ 90 điểm trở lên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- ✓ Từ 70 điểm đến dưới 90 điểm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- ✓ Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- ✓ Dưới 50 điểm: Không hoàn thành nhiệm vụ.

PHỤ LỤC 03

KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ LÃNH ĐẠO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
I	**LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**	**45**			
1	Xây dựng kế hoạch, chương trình công tác; phân công nhiệm vụ; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị theo chức năng, nhiệm vụ được giao	15			Tốt: 15 điểm; Khá: 10 điểm; Trung bình: 8 điểm; Kém: 0 điểm
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa	10			Tốt: 10 điểm; Khá: 8 điểm; Trung bình: 5 điểm; Kém: 0 điểm
3	Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị	10			Tốt: 10 điểm; Khá: 8 điểm; Trung bình: 5 điểm; Kém: 0 điểm

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
4	Kiểm tra, đôn đốc, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; kịp thời khắc phục tồn tại, hạn chế	10			Tốt: 10 điểm; Khá: 8 điểm; Trung bình: 5 điểm; Kém: 0 điểm
II	**CÔNG TÁC PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**	**25**			
1	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông; hành lang an toàn đường bộ, hành lang an toàn đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường thủy nội địa; xử lý các nhiệm vụ liên ngành	10			Phối hợp, giải quyết đúng thời gian, hiệu quả các nhiệm vụ được giao: 10 điểm; giải quyết chậm mỗi vụ việc trừ 01 điểm nhưng không quá điểm tối đa; không phối hợp hoặc không giải quyết mỗi vụ việc trừ 02 điểm nhưng không quá điểm tối đa
2	Phối hợp xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị; bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông; xử lý các điểm mất an toàn giao thông, điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông	10			Phối hợp xử lý đầy đủ, hiệu quả: 10 điểm; phối hợp chưa kịp thời: 7 điểm; hiệu quả chưa cao: 5 điểm; không phối hợp: 0 điểm
3	Phối hợp giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo và các nhiệm vụ phát sinh liên quan đến công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị	5			Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn: 5 điểm; chậm nhưng hoàn thành: 3 điểm; không hoàn thành: 0 điểm

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
III	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**	**20**			
1	Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị theo Quy định này	20			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 20 điểm; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 15 điểm; Hoàn thành nhiệm vụ: 10 điểm; Không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm.
IV	**ĐIỂM CỘNG, ĐIỂM TRỪ**	**10**			
1	Điểm cộng	+10			Có sáng kiến, mô hình, giải pháp hiệu quả hoặc thành tích xuất sắc trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị được cộng từ 01 đến 02 điểm cho mỗi nội dung; tổng điểm cộng không quá 10 điểm
2	Điểm trừ	-10			Để xảy ra vi phạm nổi cộm; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao; bị cơ quan có thẩm quyền phê bình bằng văn bản; để xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng mà nguyên nhân được cơ quan có thẩm quyền xác định có liên quan trực tiếp đến việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm thuộc phạm vi lãnh đạo, chỉ đạo. Việc xác định vi phạm, nguyên nhân và mức độ trách nhiệm căn cứ kết luận kiểm tra, biên bản,

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Cơ quan chủ trì đánh giá	Phương pháp đánh giá
					văn bản xử lý của cơ quan có thẩm quyền và các tài liệu có liên quan. Mỗi vụ việc trừ từ 01 đến 02 điểm; tổng điểm trừ không quá 10 điểm.
	TỔNG ĐIỂM	**100**			

MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM

- ✓ Từ 90 điểm trở lên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- ✓ Từ 70 điểm đến dưới 90 điểm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- ✓ Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- ✓ Dưới 50 điểm: Không hoàn thành nhiệm vụ.